TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN IA GRAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/ HNGĐ-ST
Ngày: 31 tháng 7 năm 2018
V/v Yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nhơn;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lan và bà Nguyễn Thị Mý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Nam - Thư ký Toà án Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà: Ông Lê Đình Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 28/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2018, về việc "Yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh A (tên gọi khác là C), sinh năm 1986;

Địa chỉ: Làng X, xã Y, huyện Z, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bị đơn: Chị B, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Làng K, xã M, huyện Z, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 04 tháng 01 năm 2018 và các văn bản tố tụng khác cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là anh A trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh A và chị B có tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 06-10-2008, tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Z, tỉnh Gia Lai. Sau khi đăng ký kết hôn thì vợ chồng cùng chung sống tại Làng X, xã Y, huyện Z. Trong quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, do tính cách vợ chồng không hợp nhau, do anh A chơi cờ bạc, nhiều lúc anh A uống rượu, khi về nhà thi chị B la mắng, đánh đập. Khoảng đầu năm 2016 thì chị B bỏ về nhà mẹ đẻ tại làng K, xã M để sinh sống, cũng từ thời điểm đó vợ chồng sống ly thân. Xét thấy mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh A yêu cầu được ly hôn với chị B.

- Về con chung: Anh A và chị B có 02 (hai) con chung là D, sinh năm 2004 và E, sinh ngày 23-5-2011. Anh Líu yêu cầu giao cháu D và cháu E cho chị B nuôi dưỡng, anh A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai không đề ngày được gửi đến Tòa án ngày 13-3-2018, bị đơn là chị B trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị B và anh A có tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 06/10/2008 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Z, tỉnh Gia Lai. Trong quá trình chung sống vợ chồng nãy sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên chữi bới, xúc phạm lẫn nhau, anh A thường xuyên uống rượu, không chăm lo đến gia đình, vợ con. Vợ chồng sống ly thân từ tháng đầu năm 2016 cho đến nay. Nay xét thấy mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh A.

- Về con chung: Chị B và anh A có 02 con chung, tên D, sinh năm 2004 và E, sinh ngày 23/5/2011. Chị B yêu cầu được nuôi cả 2 con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng và đương sự đảm bảo theo quy định của pháp luật.

- Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; giao con chung chưa thành niên cho chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn khởi kiện anh A phù hợp quy định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị B hiện cư trú tại làng K, xã M, huyện Z, tỉnh Gia Lai, nên Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị B đã được toà án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên toà và được Toà án triệu tập hợp lệ, tuy nhiên chị B có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, do vậy Toà án nhân dân huyện Ia Grai xét xử vắng mặt bị đơn theo khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Anh A và chị B có đăng ký kết hôn, việc kết hôn là phù hợp quy định tại các điều 9, 12 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, nên là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, anh A và chị B có mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên chữi bới, xúc phạm lẫn nhau, anh A thường xuyên uống rượu, không chăm lo đến gia đình, vợ con. Anh A và chị B sống ly thân từ đầu tháng 6-2015 cho đến

nay. Mặt khác, tại Biên bản xác minh, thôn trưởng làng X, xã Y, huyện Z cung cấp: "Trong quá trình anh A và chị B chung sống tại địa phương, anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, cả hai thường xuyên chữi bới, xúc phạm lẫn nhau, thôn đã hai lần tiến hành hòa giải để anh chị đoàn tụ với nhau nhưng không thành. Từ đầu năm 2016, chị B cùng với hai người con bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống, cho đến nay không thấy quay về tại địa phương". Như vậy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh A và chị B đã đến mức trầm trọng, đến mức không thể tiếp tục chung sống được nữa. Vì vậy cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh A, cho anh A và chị B ly hôn.

[3] Về con chung: Anh A và chị B có 02 (hai) con chung tên D, sinh năm 2004 và E, sinh ngày 23/5/2011. Xét nguyện vọng được nuôi con của chị B, Hội đồng xét xử thấy rằng, từ thời điểm chị B cùng hai người con bỏ về nhà mẹ đẻ để sinh sống, thì việc nuôi dạy các con chưa chị B vẫn đảm bảo, phía nguyên đơn anh A cũng đồng ý giao các con cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng, đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng được ở với mẹ của cháu D và cháu E, vì vậy cần áp dụng Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tiếp tục giao cho chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Anh A có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi đủ điều kiện đảm bảo cho sự phát triển và quyền lợi của con hoặc phát hiện chị B vi phạm qui định điều kiện về nuôi dạy con thì yêu cầu Tòa án thay đổi, để chị nhận trực tiếp nuôi dưỡng theo qui định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản và nghĩa vụ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Anh A phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của UBTVQH;

- Áp dụng các điều 51, 56, 81, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Anh A và chị B được ly hôn; chấm dứt quan hệ hôn nhân giữa anh A và chị B.

2. Về con chung: Giao con chung là D, sinh năm 2004 và E, sinh ngày 23/5/2011 cho chị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho

đến khi thành niên và có khả năng lao động tự lập được. Anh A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì lợi ích của con, anh A hoặc người thân thích, Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình, trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Anh A phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng theo Biên lai số 0004680 ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai. Anh A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7a; Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Người vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn trên tính từ ngày nhận được bản án tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Ia Grai;
- Chi cục THADS huyện Ia Grai;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Nhơn